

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Huân.

2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2019/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1995 tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn V và bà Quảng Thị V; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2015/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/2015; bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 4 năm 2019 đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Chị Đỗ Thị Lan A, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Văn T, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Vũ Ngọc X, anh Đinh Xuân T, anh Vũ Ngọc T, anh Trần Quốc T, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V và chị Đỗ Thị Lan A có quen biết nhau và V biết chị Lan A có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 29V1-3174 nên nảy sinh ý định lừa mượn để đem xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27 tháng 02 năm 2019, V nhờ bạn là anh Trần Quốc T (ở cùng thôn) chở đến phòng trọ của chị Lan A. Khi đến phòng trọ thì anh T đi về còn V một mình đi vào gặp chị Lan A và nói dối với chị Lan A là “Cho cháu mượn xe cháu ra ngoài này tí, tí cháu về”. Chị Lan A tin nên đã giao chìa khóa và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát: 29V1-3174 cho V mượn. Sau khi lừa mượn được xe mô tô của chị Lan A, V một mình điều khiển xe đi đến quán điện tử “Tùng ốc” ở chợ Vồ, thị trấn G, huyện B để chơi game và tìm chỗ cầm cố chiếc xe. Tại đây, V chơi game được một lúc thì hết tiền mang theo trong người. Lúc này có Vũ Ngọc T là bạn và Vũ Ngọc X là em họ V đang chơi điện tử tại quán. Do V biết X có quen với Lê Văn T có cầm cố xe nên V nhờ X cầm hộ V chiếc xe cho T và V nói dối với X là “Anh ngại thằng T đánh giá anh ăn chơi phải cầm xe, mày đứng ra cầm xe hộ anh”, V không nói cho X biết nguồn gốc chiếc xe, do có quan hệ anh em họ hàng nên X tin V và nghĩ là xe của V nhờ cầm là xe ngay thẳng nên X không hỏi nguồn gốc và giấy tờ. X đã gọi điện thoại cho Lê Văn T là người quen với X bảo T cầm cố cho X chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 29V1-3174, X lấy 3.000.000 đồng thì T đồng ý và hẹn gặp ở khu vực H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (gần phòng trọ của T). Lúc này khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, do đang hẹn gặp bạn nên X nhờ Đinh Xuân T là bạn đang chơi game tại quán đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 29V1-3174 lên đưa cho T và cầm 3.000.000 đồng về hộ X, T đồng ý rồi đem chiếc xe trên đến gặp T, T xem xe xong, đưa cho T số tiền 2.700.000 đồng và bảo T nói với X là đã cắt lãi 300.000 đồng. Sau đó, T mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 29V1-3174 về phòng trọ của T cất, T quay về quán game “Tùng ốc” đưa cho X số tiền 2.700.000 đồng, X đưa lại cho V số tiền trên. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 28/02/2019, V gặp lại X tại quán game “Tùng ốc”, V tiếp tục nhờ X gọi điện thoại cho T lấy thêm số tiền 1.000.000 đồng đổi với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 29V1-3174 đã cầm cố cho T ngày 27/02/2019. X đồng ý và gọi điện thoại bảo T cho lấy thêm 1.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn gặp X ở khu Chợ Vồ, thị trấn G. Lúc này, tại quán game có Vũ Ngọc T cũng đang chơi game ở đó nên X nhờ T ra gặp T để lấy tiền. T đồng ý đi gặp T và T đã đưa cho T số tiền 900.000 đồng và bảo T nói với X đã cắt lãi 100.000 đồng. T cầm tiền đi về quán game “Tùng ốc” đưa cho X 900.000 đồng, rồi X đưa cho V số tiền trên không cho ai đồng nào. Toàn bộ số tiền cầm cố được V đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Sau khi cho V mượn xe mô tô chị Lan A nhiều lần liên lạc với V để đòi xe nhưng không được nên đã trình báo Công an huyện B.

Ngày 10/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 29V1-3174 do Lê Văn T tự nguyện giao nộp.

Ngày 11/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã có văn bản số 37 yêu cầu định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 29V1-3174. Ngày 13/3/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện B có kết luận số 11/KL-ĐG về giá trị chiếc xe mô tô trên là 5.830.000 đồng.

Ngày 04/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 29V1-3174 cho chị Đỗ Thị Lan A.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSBX ngày 17/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi ngày 27/02/2019 của mình, cụ thể như sau: Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/02/2019, tại nhà trọ của chị Đỗ Thị Lan A ở thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn V đã có hành vi nói dối lừa mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 29V1 - 3174 trị giá 5.830.000 đồng của chị Lan A đem cầm cố được tổng số tiền là 3.600.000 đồng, V đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với

lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B... Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 174 Bộ luật Hình sự qui định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo do không có tiền chi tiêu cá nhân đã có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị Lan A (là người quen của bị cáo) 01 chiếc xe mô tô trị giá 5.830.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn V là người có nhân thân xấu, năm 2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng, rèn luyện. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù (ngày 23/11/2015), bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường, bất chấp pháp luật. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi lượng hình. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với anh Lê Văn T là người cho bị cáo V cầm cố chiếc xe mô tô nhưng không có giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Anh T không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có nên hành vi của anh T không cấu thành tội phạm. Ngày 12/7/2019, Công an huyện B đã có công văn số 865 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn T là phù hợp.

Đối với Vũ Ngọc X là người gọi điện cho T cầm cố hộ bị cáo V chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V1 – 3174 và không được hưởng lợi gì từ việc cầm cố trên. Quá trình điều tra làm rõ X không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của X không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Đinh Xuân T, Vũ Ngọc T là người mà X nhờ đến để gặp T cầm cố chiếc xe và lấy tiền hộ X cũng không được hưởng lợi gì. Quá trình điều tra làm rõ T, T không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29V1 - 3174 là do phạm tội mà có nên hành vi của T, T không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T và T là phù hợp.

Đối với anh Trần Quốc T là người chở bị cáo V đến phòng trọ để bị cáo lừa chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Lan A. Anh T không biết việc V đến phòng trọ của chị Lan A để phạm tội nên hành vi của anh T không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Trần Quốc T là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 29V1 – 3174, ngày 04 tháng 4 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Đỗ Thị Lan A là chủ sở hữu hợp pháp. Sau khi nhận lại tài sản, chị Lan A không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 3.600.000 đồng là tiền của anh Lê Văn T cho bị cáo V cầm cố chiếc xe, số tiền trên bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Anh T không yêu cầu bị cáo V phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 30 tháng 4 năm 2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND H.B;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an H.B;
- Cơ quan THAHS – CA.H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ